

# LIVOLIN FORTE

## Thành phần :

Mỗi viên nang gelatin mềm chứa:

|   |               |
|---|---------------|
| Phospholipid thiết yếu<br>(Polyunsaturated Phosphatidylcholine) | 300 mg        |
| Vitamin B1 (Thiamine mononitrate)                               | Ph. Eur 10 mg |
| Vitamin B2 (Riboflavin)   | Ph. Eur 6 mg  |
| Vitamin B6 (Pyridoxine HCl)                                     | Ph. Eur 10 mg |
| Vitamin B12 (Cyanocobalamin)                                    | 10 mcg        |
| Nicotinamide  | Ph. Eur 30 mg |
| Vitamin E Acetate (alpha-Tocopheryl Acetate)                    | Ph. Eur 10 mg |

**Tá dược:** Dầu đậu nành, Dầu thực vật hydro hoá, Sáp ong trắng, Gelatin, Glycerin, Titan dioxyd, Oxyd sắt đỏ, Oxyd sắt vàng, Oxyd sắt đen.

## Chỉ định :

Bệnh gan do nhiều nguyên nhân: Bệnh viêm gan cấp, bán cấp và viêm gan mạn tính, xơ gan, bệnh gan do nhiễm độc chuyển hóa, nhiễm độc (ví dụ do nhiễm độc thuốc), gan nhiễm mỡ do rượu, hỗ trợ chăm sóc trước và sau phẫu thuật, đặc biệt trong phẫu thuật gan / túi mật.

## Liều dùng :

1 viên nang ba lần mỗi ngày trong bữa ăn hoặc theo chỉ định của bác sĩ.

## Cách dùng :

Nuốt nguyên viên với nước.

## Chống chỉ định :

Bổ sung phosphatidylcholine ở liều cao có thể làm trầm trọng hơn chứng bệnh trầm cảm ở một số trường hợp. Vì vậy, không dùng Livolin forte cho những bệnh nhân bị bệnh trầm cảm (trầm cảm chủ yếu) trừ khi có sự theo dõi của thầy thuốc.

## Cảnh báo và thận trọng :

Những trường hợp kém hấp thu có thể tăng nguy cơ tiêu chảy hoặc có mỡ trong phân khi sử dụng phosphatidylcholine. Những trường hợp mắc hội chứng kháng phospholipid-kháng thể nên thận trọng trong việc sử dụng phosphatidylcholine.

## Phụ nữ có thai và cho con bú :

Chưa có thông tin được báo cáo, tuy nhiên không khuyến cáo dùng Livolin Forte trên phụ nữ có thai và cho con bú khi không có sự tham vấn của thầy thuốc.

## Tác dụng không mong muốn :

Ở liều cao có thể gây biếng ăn, buồn nôn, trướng bụng, đau dạ dày-ruột và tiêu chảy.

**Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**

## Tương tác thuốc :

Phosphatidylcholine tương hợp với các chất dinh dưỡng khác, khi uống đồng thời có thể làm tăng sự hấp thu các chất dinh dưỡng. Hiệu quả của levodopa có thể bị giảm bởi vitamin B6.

## Quá liều :

Chưa có trường hợp quá liều nào được báo cáo. Theo sự đánh giá của độc chất học chuẩn thì phosphatidylcholine không gây đáng kể về độ độc cấp tính hoặc mạn tính, cũng như không có tính gây đột biến và không gây quái thai. Triệu chứng của không dung nạp hầu hết là khó chịu dạ dày-ruột, tiêu chảy, khó tiêu, và buồn nôn.

**Bảo quản :** Bảo quản dưới 30°C ở nơi khô ráo, tránh ánh sáng chiếu trực tiếp.

**Hạn dùng:** 2 năm kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

## Trình bày :

Hộp 30 viên nang mềm (3 vỉ x 10 viên).

Hộp 100 viên nang mềm (10 vỉ x 10 viên).

## Lưu ý :

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

**Không dùng thuốc quá hạn sử dụng ghi trên hộp**

**Không dùng thuốc nếu có bất kỳ dấu hiệu thay đổi nào trên viên thuốc**

**Để xa tầm tay trẻ em**

**Sản xuất dưới sự nhượng quyền của:**

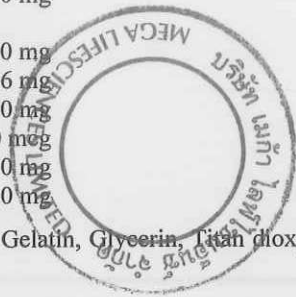
**Mega Lifesciences (Australia) Pty. Ltd.**

(A.C.N. 076 713 392)

Victoria 3175, Australia

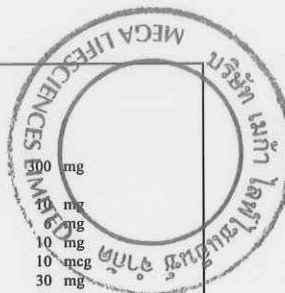
**Sản xuất bởi: MEGA LIFESCIENCES LTD.**

384 Pattana 3 Rd., Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thái Lan



*Handwritten signature or initials.*





**LIVOLIN FORTE**

**Composition :**

*Each softgel capsule contains*

|  |                 |
|--|-----------------|
| Essential Phospholipids<br>(Polyunsaturated Phosphatidylcholine) | 300 mg          |
| Vitamin B1 (Thiamine Mononitrate)                                | Ph. Eur: 10 mg  |
| Vitamin B2 (Riboflavin)  | Ph. Eur: 10 mg  |
| Vitamin B6 (Pyridoxine HCl)                                      | Ph. Eur: 10 mcg |
| Vitamin B12 (Cyanocobalamin)                                     | Ph. Eur: 30 mcg |
| Nicotinamide   | Ph. Eur: 30 mg  |
| Vitamin E Acetate<br>(alpha-Tocopheryl Acetate)                  | Ph. Eur: 10 mg  |

**Other Ingredients :**

Soybean oil, Hydrogenated vegetable oil, White beeswax, Gelatin, Glycerin, Titanium dioxide, Iron oxide (red, yellow, black)

**Indications :**

Liver disease of any origin: acute, subacute, chronic hepatitis, cirrhosis, toxic metabolic liver diseases, intoxications (e.g. from drugs), alcoholic fatty liver, pre- and post-operative care and especially in liver / gall bladder surgery.

**Dosage :**

Unless otherwise prescribed by the physician, take 1 capsule 3 times daily with meals.

**Instruction for use :**

To be swallowed whole capsule with water.

**Side Effects :**

At higher dosages, it may cause a reduced appetite, nausea, abdominal bloating, gastrointestinal pain, and diarrhea.

*Inform your doctor of any adverse effect related to drug use.*

**Contraindications :**

Not indicated in patients with depression (unipolar or clinical depression) unless under the supervision of a physician because high dose of phosphatidylcholine supplementation can worsen depression in some cases.

**Warning and precautions :**

Those with malabsorption problems may develop diarrhea or steatorrhea when using phosphatidylcholine supplements. Those with the antiphospholipid-antibody syndrome should exercise caution in the use of phosphatidylcholine supplements.

**Drug Interactions :**

Phosphatidylcholine is freely compatible with other nutrients, and when co-administered may enhance their absorption. Effects of levodopa are reversed by vitamin B6.

**Pregnancy and lactation :**

No problems reported, but not recommended Livolin Forte in pregnancy and lactation without prior consultation with the physician.

**Symptoms and treatment of overdose :**

There are no reports of overdosage. Standard toxicological assessment indicate no significant acute or chronic toxicity from phosphatidylcholine, as well as no mutagenicity and no teratogenicity. Symptoms of intolerance are almost exclusively restricted to gastrointestinal discomfort, diarrhea, excessive fullness, and nausea.

**Storage :**

Store below 30°C in a dry place, away from direct sunlight.

**Shelf Life :**

Two years from date of manufacture.

**Presentation :**

- 10 capsules in a blister pack, 10x10 capsules presented in a cardboard carton.
- 10 capsules in a blister pack, 3x10 capsules packed in an aluminium pouch and presented in a cardboard carton.

**Note :**

*Read the instructions thoroughly before use.*

*Please do not use the product after the expiry date.*

*Please do not use the product if there are any significant changes in appearance of the capsules.*

*Keep out of reach of children.*

Manufactured under license from :  
**MEGA LIFESCIENCES (AUSTRALIA) PTY. LTD.**  
 (A.C.N. 076 713 392)  
 Victoria 3175, Australia

By : **MEGA LIFESCIENCES LTD.**  
 384, Pattana 3 Rd., Bangpoo Industrial Estate,  
 Samutprakarn 10280, Thailand

RI-L004-M64-00-00

Spelling checked by : .....

Date : .....

Approved by : ..... (BD Director)

Date : .....

Approved by : ..... (RA Director)

Date : .....

177-178

177-178

